**TUẦN 3**

---\*\*\*---

***Thứ ba ngày 19 tháng 9 năm 2023***

**TIẾNG VIỆT**

**TIẾT 27+28: BÀI 11: b, bễ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức – Kĩ năng:**

- Nhận biết âm và chữ cái **b;** nhận biết thanh ngã, dấu ngã; đánh vần, đọc đúng tiếng có **b** (mô hình “âm đầu + âm chính”, “âm đầu + âm chính + thanh”): **bê, bễ.**

- Nhìn hình, phát âm, tự phát hiện được tiếng có âm **b,** có **thanh ngã.**

- Đọc đúng bài Tập đọc *Ở bờ đê.*

- Biết viết trên bảng con các chữ, tiếng và chữ số: **b, bễ; 2, 3.**

**2. Năng lực – Phẩm chất:**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học và thực tế

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Máy tính, tivi chiếu hình minh họa từ khóa và từ trong bài tập mở rộng vốn từ hoặc tranh ảnh, mẫu vật, vật thật

-Vở bài tập tiếng việt 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

**Tiết 27**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **A. Hoạt động mở đầu:** (3’)  - GV gọi 2 HS đọc lại bài Tập đọc (bài 10) hoặc cả lớp viết các chữ ê, l, lê.  - GV gọi HS nhận xét  - GV nhận xét  **B. HĐ hình thành kiến thức mới:**  **1. Giới thiệu bài** (4’)  - Giới thiệu bài:âm và chữ cái **b;** thanh ngã và dấu ngã - chữ **bễ.**  - GV chỉ chữ **b,** nói: **b** (bờ).  - GV chỉ chữ **bễ,** nói: **bễ.**  - GV giới thiệu chữ **B** in hoa.  **2. Bài mới** (10’) (BT 1: Làm quen)  2.1.Âm **b** và chữ cái **b**  - GV chỉ hình con bê, hỏi: Đây là con gì?  - GV viết bảng chữ **b,** chữ **ê.**  - Phân tích tiếng bê: gồm có 2 âm: âm b đứng trước, âm ê đứng sau.  - GV chỉ mô hình  - GV vừa nói vừa thể hiện bằng động tác tay:  + Chập hai bàn tay vào nhau để trước mặt, phát âm: **bê.**  + Vừa tách bàn tay trái ra, ngả về bên trái, vừa phát âm: **bờ.**  + Vừa tách bàn tay phải ra, ngả về bên phải, vừa phát âm: **ê.**  + Vừa chập hai bàn tay lại, vừa phát âm: **bê.**  2.2.Tiếng **bễ**  - GV chỉ hình ảnh cái bễ (lò rèn): Đây là cái bễ ở lò rèn. Bễ dùng để thổi lửa cho to hơn, mạnh hơn.  - GV chỉ tiếng **bễ:** Đây là tiếng **bễ.** Tiếng **bễ** khác tiếng **bê** ở điểm nào?  - GV: Đó là dấu ngã.  - GV đọc: **bễ.**  - GV đưa lên bảng mô hình tiếng **bễ.**  - GV cùng HS đánh vần nhanh **(bê - ngã - bễ),** thể hiện bằng động tác tay:  + Chập hai bàn tay vào nhau để trước mặt, phát âm: **bễ.**  + Vừa tách bàn tay trái ra, ngả về bên trái, vừa phát âm: **bê.**  + Vừa tách bàn tay phải ra, ngả về bên phải, vừa phát âm: **ngã.**  + Vừa chập hai bàn tay lại, vừa phát âm: **bễ.**  - Sau đó GV yêu cầu HS gộp 2 bước đánh vần: **bờ - ê - bê - ngã - bễ.**  \* Củng cố:  ? Em đã được học chữ, dấu thanh và tiếng mới nào?  - GV yêu cầu HS ghép trên bảng cài chữ **bễ**  **3. Hoạt động luyện tập** (15’)  **3.1. Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có âm **b**?)  - GV chỉ từng hình  - GV chỉ hình lần 2 (TT đảo lộn).  - GV yêu cầu từng cặp HS chỉ hình, nói tiếng có âm **b** vàlàm bài trong VBT (Nối **b** với hình chứa tiếng có **b).**  -GV gọi2 HS báo cáo: Các tiếng có âm **b** *(bò, bàn, búp bê, bóng, bánh).*  - GV chỉ hình  - GV yêu cầu HS có thể nói thêm 3-4 tiếng ngoài bài có âm **b** (ba, bế, bể, bi,...).  **3.2. Mở rộng vốn từ** (BT 3: Tiếng nào có thanh ngã?)  - GV tổ chức như BT 2  - G V yêu cầu từng cặp HS làm bài, báo cáo kết quả.  - GV chỉ từng hình.  - GV yêu cầu HS nói thêm 3-4 tiếng ngoài bài có thanh ngã (dễ, khẽ, lễ, vẫn,...).  **3.3. Tập đọc** (BT4)  a. Giới thiệu bài  - GV chỉ trên bảng 3 hình minh hoạ bài Tập đọc, hỏi: Đây là hình ảnh những con vật gì?  - GV: Bài đọc nói về con dê, con dế, con bê ở bờ đê. GV chỉ từng con vật cho cả lớp nhắc lại: dê, dế, bê. Các em cùng nghe xem các con vật làm gì.  b. GV đọc mẫu.  c. Luyện đọc từ ngữ:  - GV yêu cầu HS (cá nhân, cả lớp) nhìn bài đọc trên bảng đánh vần, đọc trơn các từ ngữ (đã gạch chân hoặc tô màu) theo thước chỉ của GV  -GV giải nghĩa: *bờ đê* (bờ đất cao chạy dài dọc theo bờ sông, bờ biển để ngăn nước ngập); *la cà* (đi chỗ nọ chỗ kia); *be be* (từ mô phỏng tiếng kêu của con dê).  **4. Củng cố, dặn dò** (3’)  - GV nhận xét tiết học.  - Ôn, đọc lại các âm, chữ **b**; tiếng **bễ**  - Tìm xung quanh nơi em sống các sự vật, con vật có âm **b** | - HS đọc  - HS nhận xét  - HS quan sát và lắng nghe  - HS đọc (cá nhân, cả lớp): **b.**  -HS đọc (cá nhân, cả lớp): **bễ.**  - HS trả lời: Con bê  - HS nhận biết: **b, ê = bê.** Cả lớp: **bê.**  - 1 HS làm mẫu, một số HS nhắc lại  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp đánh vần và đọc trơn); bờ - ê - bê / bê.  - Cả lớp vừa nói, vừa thể hiện động tác cùng GV  - HS quan sát, lắng nghe  - HS: Tiếng **bễ** khác tiếng **bê** là có thêm dấu  - HS đọc (cá nhân, cả lớp): **bễ.**  -HS đánh vần, đọc trơn: **bờ - ê - bê - ngã - bễ / bễ.** (cá nhân, tổ, cả lớp)  - Cả lớp vừa nói, vừa thể hiện động tác cùng GV  - HS gộp hai bước vào đánh vần.  - HS nói: chữ **b,** dấu ngã, tiếng **bễ.**  -HS ghép trên bảng cài chữ **bễ.**  - 1 HS nói tên sự vật *(bỏ, lá, bàn, búp bê, bóng, bánh)*  *-* Cả lớp nói tên từng sự vật.  - Các cặp thực hiện và làm bài tập  - Các cặp báo cáo kết quả    - Cả lớp đồng thanh: Tiếng **bò** có âm **b.** Tiếng **lá** không có âm **b...**  -HS tìm và nói  - HS (cá nhân, cả lớp) nói tên từng sự vật, hoạt động *(vẽ, đũa, quạ, sữa, võ, nhãn).*  - Từng cặp làm bài và báo cáo kết quả.  - Cả lớp nói: Tiếng vẽ có thanh ngã... Tiếng **quạ** không có thanh ngã...  - HS tìm và nói  - HS trả lời (Tranh 1: con dê. Tranh 2: con dế. Tranh 3: con bê).  - HS quan sát và nghe  - HS nghe  - HS (cá nhân, cả lớp) : **bờ đê, la cà, có dế, có cả bê, be be.**  - HS nghe |

**Tiết 28**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| - Ổn định tổ chức (1’)  **3.3. Tập đọc** (10’)(Tiếp)  d. Luyện đọc từng câu, từng lời dưới tranh  - GV: Bài đọc có 3 tranh và 4 câu (GV chỉ từng câu cho cả lớp đếm). GV đánh số TT từng câu trong bài trên bảng. (Tranh 3 có 2 câu).  - (Đọc rõ từng câu): GV: Các em sẽ đọc thầm tên bài, đọc từng câu theo thước chỉ. / GV chỉ chậm từng tiếng trong tên bài *(Ở bờ đê)*  -GVlàm tương tự với câu 1 (dưới tranh 1) và 3 câu còn lại.  - (Đọc tiếp nối) (cá nhân / từng cặp):  + GV cho từng HS (nhìn bài trên bảng) tiếp nối nhau đọc từng lời dưới tranh: HS 1 (đầu bàn) đọc tên bài và câu 1, các bạn khác tự đứng lên đọc tiếp nối. Có thể lặp lại vòng 2 với những HS khác. GV phát hiện và sửa lỗi phát âm cho HS.  + 3 cặp HS tiếp nối nhau đọc lời dưới 3 tranh. (Mỗi cặp cùng đọc lời dưới 1 tranh). Có thể lặp lại vòng 2 với các cặp khác.  - GV chỉ vài câu (TT đảo lộn), kiểm tra một vài HS đọc.  e. Thi đọc cả bài (theo cặp / tổ)  - (Làm việc nhóm đôi) Từng cặp HS (nhìn SGK) cùng luyện đọc trước khi thi. GV hướng dẫn HS chụm đầu, chỉ chữ trong SGK cùng đọc. Nhắc: 2 em cùng làm việc sẽ cùng báo cáo kết quả đọc trước lớp. Phải hợp tác tốt các em mới đọc đều, đọc đúng. (GV kiểm tra HS làm việc nhóm).  - GV tổ chức cho các cặp / tổ thi đọc cả bài (mỗi cặp, tổ đều đọc cả bài). Có thể lặp lại vòng 2.  - GV yêu cầu 1 HS đọc cả bài. (Có thể mời thêm 1 HS nữa).  \* GV nhắc HS theo dõi các cặp, tổ đọc để nhận ra ưu điểm, phát hiện lỗi. Khi đọc theo tổ, cả lớp, cần đọc nhỏ để không ảnh hưởng đến lớp bạn.  g. Tìm hiểu bài đọc  - GV gợi ý các câu hỏi:  ? Con gì la cà ở bờ đê?  ? Dê gặp nhữngcon gì?  ? Con bê kêu thế nào?  \* GV yêu cầu cả lớp nhìn SGK, đọc lại những gì vừa học ở bài 11.  **3.5. Tập viết** (22’)(bảng con - BT 5)  a. Đọc  - GV yêu cầu HS đọc trên bảng lớp các chữ mẫu,chữ số  b. Viết: **b, bê, bễ**  - GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn quy trình:  + Chữ b: cao 5 li. Gồm 3 nét: nét khuyết xuôi, nét móc ngược và nét thắt. Chú ý: Tạo khoảng rỗng nửa đầu chữ b không nhỏ quá hoặc to quá; nét thắt (vòng xoắn nhỏ) cuối nét lượn mềm mại.  + Tiếng **bễ:** viết chữ **b,** chữ **ê,** dấu ngã đặt trên chữ **ê.** Viết dấu ngã là 1 nét lượn lên xuống từ trái sang phải (~).  - GV yêu cầu HS viết bảng con **b, bễ** (2 lần).  c. Viết các chữ số: **2, 3**  - GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn quy trình:  + Số **2:** cao 4 li. Gồm 2 nét - nét 1 là kết họp của hai nét cơ bản: cong trên và thẳng xiên; nét 2 là nét thẳng ngang.  + Số **3:** cao 4 li. Gồm 3 nét - nét 1 thẳng ngang, nét 2 thẳng xiên, nét 3 cong phải.  - GV yêu cầu HS viết trên bảng con: **2, 3** (2 lần).  **4. Củng cố, dặn dò** (2’)  - GV nhận xét tiết học. Dặn HS về nhà đọc cho người thân nghe bài Tập đọc *Ở bờ đê,* xem trước bài 12 *(g, b).*  - Khuyến khích HS tập viết chữ trên bảng con. | - Cả lớp đếm  - Cả lớp đọc thầm;  Sau đó 1 HS đọc, cả lớp đọc.  - HS làm tương tự  - HS đọc nối tiếp nhau.  - HS đọc  - HS hoạt động nhóm đôi  - HS thi đọc  - HS đọc cả bài  - Cả lớp đọc đồng thanh cả bài.  - HS nghe  - HS: Con dê la cà ở bờ đê.  - HS: Dê gặp con dế, con bê.  - HS: Con bê kêu “be be”  - HS đọc  - HS đọc: **b, bê, bễ,** **2, 3**  - HS quan sát, lắng nghe  - HS viết bảng con  - Nhận xét  - HS quan sát, lắng nghe  - HS viết bảng con  - Nhận xét |

***Điều chỉnh sau bài dạy:***

….…………………………………………………………………………………

….…………………………………………………………………………………